TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày: 16/02/2023
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như
Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa
Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm Tra Viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Hoàng Thị A, sinh năm 1955; có mặt.

Địa chỉ: Xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Trương Đức B, sinh năm 1964; có mặt.

Địa chỉ: Xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hoàng Thị Diệp D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Trương Thị E, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, phường P, thành phố Cao Bằng.

2- Trương Văn G, sinh năm 1989; vắng mặt.

3- Trương Văn H, sinh năm 1991; vắng mặt.

4- Nông Thị I, sinh năm 1964; Có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Chị E, anh G, ông H và bà I cùng ủy quyền cho ông Trương Đức B tham gia tố tụng. Theo các Giấy ủy quyền ngày 25/5/2022.

- Những người làm chứng:

1- Phan Thị K, sinh năm 1951;

2- Linh Minh L, sinh năm 1948;

3- Bế Thị M, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Những người làm chứng vắng mặt không lý do

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Hoàng Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022, bản tự khai ngày 16/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Hoàng Thị A trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là do bố mẹ chồng khai phá, khi bà về làm dâu năm 1971 bố mẹ chồng chia thửa đất này cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng. Năm 1997 gia đình bà được Nhà nước giao đất rừng ở Sộc Chá, liền kề với thửa đất ông Trương Đức B được giao, Kiểm Lâm đi chia cho từng hộ và chỉ trên thực địa, việc giao đất không có giấy tờ; Kiểm Lâm nói là phần đất của bà A được giao ít nên không đủ diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ); sau khi Kiểm lâm chia đất xong bà A tự đi đánh dấu mốc giới bằng 3 vạch sơn trên phần đất được chia.

Năm 2007 có dự án cấp GCNQSDĐ, nhưng do bà không được thông báo nên không đi kê khai. Đất trước khi được Nhà nước giao cho gia đình bà A (cụ thể là ông Trương Văn Kính là anh trai chồng bà A) đã khai hoang từ năm 1972-1975 phần đất ở chân núi thuộc thửa đất số 466; năm 1982 ông Kính đi vào Miền Nam sinh sống nên đã giao lại một mảnh đất nhỏ ở chân núi cho bà A quản lý, sử dụng (việc giao đất không lập giấy tờ). Sau khi được Nhà nước giao đất, gia đình bà A đã trồng các loại cây: Tre, sâu sâu, mác Slạc, mạy họp ở trên núi. Năm 2017 bà A lên rừng lấy củi thì bị gia đình ông B ngăn cản không cho khai thác, ông B nói là đất của ông đã có bìa đỏ. Bà A đã đến Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã O hỏi thì mới biết là ông B được cấp GCNQSDĐ số AG 069069 đối với thửa đất số 466 đang có tranh chấp. Bà A viết đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã O để

giải quyết tranh chấp, UBND xã kết luận phần đất của nguyên đơn được giao đã nằm trong phần đất ông Trương Đức B được cấp sổ đỏ nên ông B có quyền sử dụng. Do không đồng ý với kết quả hòa giải tại xã, nên bà Hoàng Thị A gửi đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương Đức B trả lại thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 03, diện tích 5309m^2 tại xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 22/6/2022 nguyên đơn Hoàng Thị A thay đổi đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trương Đức B trả lại một phần đất thực tế bà đang quản lý, sử dụng nằm trong thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp 03, diện tích khoảng 2.500m^2. Tại phiên tòa bà A yêu cầu ông Trương Đức B trả lại diện tích đất là 2.575,4 m^2 (số liệu theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ).

Tại bản tự khai ngày 16/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trương Đức B (đồng thời nhận sự ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Trương Văn H, Trương Văn G, Nông Thị I và Trương Thị E) trình bày:

Ông có họ hàng với chồng bà A (gọi bà A là thím). Nguồn gốc thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 03, diện tích 5309m^2 hiện đang tranh chấp là của Nhà nước quản lý, đất có tên địa phương là Pác Kéo (còn thửa đất có tên Sộc Chá là ở phía dưới thửa đất Pác Kéo). Năm 1997 ông B làm Trưởng xóm được tổ chức họp dân, mời Kiểm Lâm về chia lô đất rừng, gia đình ông được chia lô đất rừng tại Pác Kéo. Tại thời điểm được chia thửa đất trên thì hộ gia đình ông B gồm có: Vợ Nông Thị I, con Trương Thị E, con Trương Văn G, con Trương Văn H và mẹ Sầm Thị Pháy (đã chết năm 2018). Năm 2005, Bộ Tài nguyên môi trường có dự án cấp bìa đỏ, đã thông báo cho cả xóm đi kê khai để được cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2007 gia đình ông được UBND huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 03, diện tích là 5.309m^2.

Về quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp: Năm 1997, sau khi nhận đất gia đình ông B đã đi phát rừng và trồng cây mác Slạc. Năm 2017, bà A tự lên rừng của ông khai thác lấy củi, nên ông B đã ngăn cản bà A. Năm 2018, tổ hòa giải của xã đã hòa giải và kết luận gia đình ông được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất tại Pác Kéo. Năm 2022 gia đình ông B được Nhà nước chi trả tiền quản lý đất rừng 90.000đ đối với 2 thửa đất rừng gia đình ông B được cấp bìa, trong đó có thửa đất số 466 đang tranh chấp. Về phần đất ông Kính khai phá ở chân núi, năm 1975 khi ông Kính đi Miền Nam cũng không ai canh tác sử dụng gì, chỉ là bãi tha ma và bãi chăn thả trâu bò cho cả xóm. Năm 1997 bà A mới đi trồng bụi tre ở chân núi. Năm 2017-2018 gia đình ông B mới phát hiện bà A tự ý đi trồng cây mác Slạc trên đất rừng của ông khoảng 20m^2. Sau khi UBND xã O hòa giải và kết luận đất

đang tranh chấp là của gia đình ông, đến nay các cây mác Slạc của bà A trồng trên thửa đất số 466 hiện nay còn khoảng 20 cây đã cao bằng người.

Nay bà Hoàng Thị A khởi kiện ông trả lại một phần thửa đất số 466 tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, diện tích 2.575,4 m^2 ông B không đồng ý, đồng thời yêu cầu bà A tự chặt cây mác Slạc đi, nếu không ông B sẽ tự chặt vì bà A trồng trái phép trên phần đất của ông.

Tại các giấy xác nhận người làm chứng và các biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2022 bà Phan Thị K, ông Linh Minh L bà Bế Thị Uyên cùng trình bày:

Các ông, bà là hàng xóm của ông Trương Đức B. Năm 1997 Nhà nước giao đất, giao rừng cho từng hộ dân để bảo vệ và quản lý; các ngày chia đất rừng có cán bộ Kiểm lâm huyện, cán bộ xã đi chia, cả 3 người làm chứng cùng được tham gia đi cùng đoàn chia đất để quản lý. Khi chia đến khu rừng Sộc Chá, Kiểm lâm giao cho bà A nhưng bà chê rừng toàn đá nên không nhận. Ông B nhận một phần đất Sộc Chá rồi quản lý rừng cho đến nay. Những người làm chứng đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại công văn của UBND huyện Quảng Hòa số 946/UBND-TNMT ngày 04/8/2022 có nội dung: Thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, diện tích 5309m2 đã được UBND huyện Quảng Uyên nay là huyện Quảng Hòa cấp GCNQSDĐ số AG 069069, cấp ngày 17/01/2007 đứng tên ông Trương Đức B, địa chỉ xóm Lũng Diễn, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã được cấp đúng theo quy định. Cấp theo dự án: Đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng. Còn công văn số 67 của Hạt kiểm lâm Quảng Hòa ngày 15/8/2022 trả lời Tòa án: Qua kiểm tra, xem xét tài liệu lưu trữ của hạt Kiểm lâm từ năm 1997 các giấy tờ, hồ sơ thửa đất số 466, tờ bản đồ số 3, diện tích 5309m^2 đã được UBND huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa) cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình tra cứu, tìm tòi hồ sơ lưu trữ của đơn vị hạt Kiểm lâm hiện nay bị thất lạc chưa tìm thấy.

Còn tại Biên bản xác minh ngày 08/9/2022 UBND xã O cho biết: Dự án cấp GCNQSDĐ đối với đất lâm nghiệp được cấp cho dân năm 2007 trong đó có thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3 được cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Đức B. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thực hiện việc niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã O và tại xóm theo đúng thời gian và pháp luật đất đai quy định; UBND xã không nhận được thông tin khiếu nại gì về việc cấp đất không đúng. Biên bản xác minh ngày 08/9/2022 ông Nông Minh Tuân (người quản lý, sử dụng thửa đất số 468 liền kề thửa đất đang tranh chấp) cho biết: Năm 1997 có cán bộ Kiểm lâm, Trưởng xóm và các hộ dân đang và được chia đất đi thực địa để giao đất. Thời điểm đó không ai dùng sơn để đánh dấu ranh giới đất

liền kề, mà được đánh dấu mốc bằng các mỏm đá tự nhiên. Ngoài ra, ngày 08/9/2022 Tòa án cũng đã tiến hành xác minh đối với ông Bế Đình Hanh- Trưởng xóm N; ông Hanh cho biết: Dự án cấp GCNQSDĐ đối với đất lâm nghiệp được triển khai thông tin đến từng hộ dân để kê khai. Năm 2007 tại xóm có thực hiện niêm yết công khai các thửa đất được cấp theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn niêm yết tại xóm không ai có ý kiến gì.

Các ngày 28/7/2022 ngày 08/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần đất đang tranh chấp, kết quả như sau: Quá trình đo đạc xác định được diện tích đất đang có tranh chấp là đất rừng phòng hộ, có địa chỉ tại xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; phần đất mà bà A có yêu cầu ông Trương Đức B trả lại nằm trong thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, diện tích là 2.575,4 m^2. Phía chân núi bà A trồng 5 bụi cây tre gai, 3 khóm mạy thì, cây mác slạc; có 01 ngôi mộ trong bụi rậm (theo bà A khai là mộ của cụ ông Hoàng Văn Từ là em trai bố đẻ của bà A). Tứ cận phần đất đang tranh chấp như sau: Phía Đông giáp đất trồng cỏ voi của ông Trương Văn Giáp; Phía Tây giáp đất ông Trương Đức B; Phía Nam giáp thửa đất số 468 của nhà ông Nông Minh Tuân; Phía Bắc giáp đất ông Trương Đức B và ông Trương Văn Giáp đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, đo đất theo bà A chỉ có diện tích 966,2m^2 lấn sang thửa đất số 468 của ông Nông Minh Tuân; phần diện tích đất thứ 2 (trước mộ) lấn sang thửa đất số 29 với diện tích 89,7m^2; phần diện tích đất lấn thứ 3 có 43,2m^2 lấn đất hộ ông Trương Văn Giáp đang trồng cỏ voi (*Có sơ đồ kèm theo)*.

Trợ giúp viên pháp lý - bà Nguyễn Thị C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Năm 1997 bà A được nhà nước giao đất rừng ở Sộc Chá, liền kề với thửa đất ông B được giao, nhưng do diện tích của bà được giao không đủ để cấp GCNQSDĐ, năm 2017 bà lên rừng lấy củi thì gia đình ông B ngăn cản không cho bà A khai thác, ông B nói là đất của ông B đã được cấp GCNQSDĐ. Bà A gửi đơn lên UBND xã O hỏi thì mới biết ông B được cấp GCNQSDĐ số AG069069 đối với thửa đất Pác Kéo. Nguyên đơn đã làm đơn khiếu nại lên UBND xã O để giải quyết tranh chấp, UBND xã O kết luận phần đất của bà A được giao đã nằm trong phần đất ông B được cấp sổ đỏ. Nay, nguyên đơn bà A khởi kiện yêu cầu ông Trương Đức B trả lại thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 03, diện tích là 2.575,4m^2.

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp bà A được Nhà nước giao đất năm 1997, bà A đã trồng cây trên đất và quản lý sử dụng đến năm 2017 mới phát sinh tranh chấp với ông B. Tuy hiện nay tại Hạt Kiểm Lâm huyện Quảng Hòa không tìm thấy hồ sơ lưu trữ của việc giao đất nhưng căn cứ vào Biên bản họp xóm về

việc giao đất rừng ngày 24/11/1997 bà A có được giao đất rừng tại khu vực tên có gọi địa phương là Sộc Chá. Sau khi được giao đất bà A đã đánh dấu bằng vạch sơn nhằm mục đích phân cách phần đất của hai gia đình bên trái là đất bà A, bên phải là đất ông B. Hiện nay trên phần đất tranh chấp có 01 ngôi mộ của cụ Hoàng Văn Từ có từ khoảng năm 1950, hàng năm gia đình bà A vẫn đi tảo mộ.

Căn cứ các Điều 100,106,166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị A.

Trợ giúp viên pháp lý - bà Hoàng Thị Diệp D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ: Phần đất đang tranh chấp có diện tích 2.575,4 m^2 thuộc thửa đất số 466 tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, hộ ông Trương Đức B đã được UBND huyện Quảng Uyên cấp GCNQSDĐ ngày 17/01/2007, UBND huyện Quảng Hòa đã có văn bản số 946/UBND-TNMT ngày 04/8/2022 xác nhận là việc cấp GCNQSDĐ trên là đúng trình tự thủ tục, biên bản xác minh đối với ông Hoàng Văn Mạnh - Phó Chủ tịch UBND xã O và đối với ông Bế Đình Hanh - Trưởng xóm N, xã O xác nhận thời điểm 2007 các hộ dân kê khai để cấp GCNQSDĐ có thực hiện việc niêm yết công khai tại xóm và UBND xã. Cùng thời điểm năm 2007 bà A cũng được cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp đối với thửa đất ở Bó Ván có diện tích 10.200 m^2, thể hiện bà A biết việc tại xóm đã phổ biến việc kê khai để cấp GCNQSDĐ nhưng bà A không kê khai phần đất đang tranh chấp, việc cấp đất đã niêm yết theo quy định; phía gia đình bà A không có khiếu nại gì. Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng: Theo lời khai của những người làm chứng xác nhận thời điểm xóm chia đất bà A không nhận đất rừng đang có tranh chấp, mà nhận phần đất rừng ở nơi khác. Bị đơn ông B có quá trình sử dụng đất liên tục, đúng mục đích từ khi được Nhà nước giao đất cho đến nay và được Nhà nước chi trả phí bảo vệ rừng đối với 02 thửa đất rừng mà gia đình ông B được cấp, trong đó có thửa đất đang tranh chấp. Từ những trình bày như đã nêu ở trên, nay kính mong Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ khoản 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 91; các Điều 143; 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 229; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị A yêu cầu bị đơn trả lại diện tích là 2575,4m^2 đất ở xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng nằm trong thửa số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3.

1.2. Hộ gia đình ông Trương Đức B và bà Nông Thị I được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, trong đó có diện tích đất đang tranh chấp là 2.575,4m^2 đất tọa lạc tại xóm N, xã O, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; tứ cận phần đất đang tranh chấp: Phía Đông giáp đất trồng cỏ voi của ông Trương Văn Giáp; phía Tây giáp đất ông Trương Đức B; phía Nam giáp thửa đất số 468 của nhà ông Nông Minh Tuân; phía Bắc giáp đất ông Trương Đức B và ông Trương Văn Giáp đang quản lý, sử dụng *(Có sơ đồ kèm theo*).

1.3. Giữ nguyên ngôi mộ cụ ông Hoàng Văn Từ trong thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3.

1.4. Buộc nguyên đơn Hoàng Thị A thu hoạch, di dời toàn bộ cây trồng gồm: 5 bụi cây tre gai, 3 khóm cây mạy thì, cây mác slạc trên thửa đất số 466, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3 để hộ gia đình ông Trương Đức B quản lý, sử dụng ổn định thửa đất số 466.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*:* Bà Hoàng Thị A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Xác nhận bà A đã nộp đủ số tiền trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2022 bà Hoàng Thị A có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Hoàng Thị A, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Nguyễn Thị C giữ nguyên đơn kháng cáo, có ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm: Gia đình đã trồng cây mai tre, và ngôi mộ chú ruột là ông Hoàng Văn Từ và có kè đá chân núi, có biên bản giao đất ngày 24/11/1997,việc cấp GCNQSDĐ cho ông B là không đúng quy định của pháp luật, những người làm chứng cho ông B không đúng sự thực vì những người này mâu thuẫn với gia đình tôi. Căn cứ các Điều 100,106,166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị A.

Bị đơn Trương Đức B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Hoàng Thị Diệp D không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn và trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có diện tích 2.575,4 m2 thuộc thửa đất số 466 tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, hộ ông Trương Đức B đã được UBND huyện Quảng Uyên cấp GCNQSDĐ ngày 17/01/2007, UBND huyện Quảng Hòa đã có văn bản số 946/UBND-TNMT ngày 04/8/2022 xác nhận là việc cấp GCNQSDĐ trên là đúng trình tự thủ tục, biên bản xác minh đối với ông Hoàng Văn Mạnh - Phó Chủ tịch UBND xã O và đối với ông Bế Đình Hanh - Trưởng xóm N, xã O xác nhận thời điểm 2007 các hộ dân kê khai để cấp GCNQSDĐ có thực hiện việc niêm yết công khai tại xóm và UBND xã. Cùng thời điểm năm 2007 bà A cũng được cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp đối với thửa đất ở Bó Ván có diện tích 10.200 m2, thể hiện bà A biết việc tại xóm đã phổ biến việc kê khai để cấp GCNQSDĐ nhưng bà A không kê khai phần đất đang tranh chấp, việc cấp đất đã niêm yết theo quy định; phía gia đình bà A không có khiếu nại gì. Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng: Theo lời khai của những người làm chứng xác nhận thời điểm xóm chia đất bà A không nhận đất rừng đang có tranh chấp, mà nhận phần đất rừng ở nơi khác. Bị đơn ông B có quá trình sử dụng đất liên tục, đúng mục đích từ khi được Nhà nước giao đất cho đến nay và được Nhà nước chi trả phí bảo vệ rừng đối với 02 thửa đất rừng mà gia đình ông B được cấp, trong đó có thửa đất đang tranh chấp. Từ những trình bày như đã nêu ở trên, nay kính mong Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị I giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại sơ thẩm cũng như ý kiến của ông Trương Đức B. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của bà Hoàng Thị A không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm

định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thị Hiền nộp trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn:

Bà Hoàng Thị A kháng cáo cho rằng, nguồn gốc đất thuộc gia đình bà vì có biên bản họp xóm ngày 24/11/1997, thực tế gia đình bà A đã trồng cây mai, tre, có ngôi mộ chú ruột Hoàng Văn Từ, có kè đá chân núi. việc cấp GCNQSDĐ cho ông B của UBND huyện Quảng Uyên (nay là Quảng Hòa) là không đúng quy định của pháp luật, ngoài ra lời khai của người làm chứng cho ông B không đúng sự thực vì có mâu thuẫn với gia đình bà A. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, buộc ông B trả lại đất cho gia đình bà A.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, bà Hoàng Thị A cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình bà, năm 1997 được Nhà nước giao đất rừng nhưng ngoài lời khai của bà A thì không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh phần đất đang tranh chấp tại thửa đất số 466 là của gia đình bà. Trước đó bà A trình bày lý do chưa từng kê khai đăng ký để xin cấp GCNQSDĐ đối với phần đất tranh chấp vì bà không biết có dự án cấp GCNQSDĐ, HĐXX nhận thấy lời trình bày là không hợp lý, tại biên bản xác minh đối với ông Hoàng Văn Mạnh - Phó Chủ tịch UBND xã O và đối với ông Bế Đình Hanh - Trưởng xóm N, xã O xác nhận thời điểm 2007 các hộ dân kê khai để cấp GCNQSDĐ có thực hiện việc niêm yết công khai tại xóm và UBND xã. Cùng thời điểm năm 2007 bà A cũng được cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp đối với thửa đất ở Bó Ván có diện tích 10.200 m2, do đó thể hiện bà A biết việc tại xóm đã phổ biến việc kê khai để cấp GCNQSDĐ nhưng bà A không kê khai phần đất đang tranh chấp, việc cấp đất đã niêm yết theo quy định; bà cho rằng các cơ quan chức năng cho biết do diện tích ít nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, tuy nhiên bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Thứ hai, lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bị đơn. Bị đơn cho rằng từ khi được giao đất, đã quản lý sử dụng từ năm 1997, đất được cấp GCNQSDĐ vào năm 2007, gia đình ông đã quản lý sử dụng liên tục cho đến khi xảy ra tranh chấp. Lời khai của những người làm chứng bà Phan Thị K, ông Linh Minh L bà Bế Thị Uyên đều được thể hiện tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2022 cùng trình bày: "*Các ông, bà là hàng xóm của ông Trương Đức B. Năm 1997 Nhà nước giao đất, giao rừng cho từng hộ dân để bảo vệ và quản lý; các ngày chia đất rừng có cán bộ Kiểm lâm huyện, cán bộ xã đi chia, cả*

3 người làm chứng cùng được tham gia đi cùng đoàn chia đất. Khi chia đến khu rừng Sộc Chá, Kiểm lâm giao cho bà A nhưng bà chê rừng toàn đá nên không nhận. Ông B nhận một phần đất Sộc Chá rồi quản lý rừng cho đến nay.". Tại phiên tòa phúc thẩm bà cho rằng những người làm chứng có mâu thuẫn với bà nhưng bà không có căn cứ gì để chứng minh cho nội dung này.

Thứ ba, tại văn bản ghi ý kiến số 946/UBND-TNMT ngày 04/8/2022 của UBND huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng có nội dung: …"*Thửa đất số 466, tờ bản đồ số 3, diện tích 5309m^2 đã được UBND huyện Quảng Uyên nay là huyện Quảng Hòa cấp GCNQSDĐ số AG 069069, cấp ngày 17/01/2007 đứng tên ông Trương Đức B, địa chỉ xóm Lũng Diễn, xã O, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã được cấp đúng theo quy định. Cấp theo dự án: Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng*. Như vậy quá trình cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Đức B của UBND huyện Quảng Uyên (nay là Quảng Hòa) phù hợp với quy định của pháp luật

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho nội dung kháng cáo. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy không có căn cứ để chứng minh việc nguyên đơn đã có thời gian quản lý, sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 3. Mặt khác bị đơn có lời khai của người làm chứng chứng minh, được cấp GCNQSDĐ đúng quy định của pháp luật, có quá trình quản lý sử dụng liên tục đối với thửa đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Hoàng Thị Diệp D có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị A được miễn án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do bà Hiền là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 29 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị A. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như